

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày: 12-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng thuê xáng ruộng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng thuê xáng ruộng đất

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Trước đây, bà B có nhận ruộng công cho ông P với số tiền là 20.000.000 đồng. Sau khi ruộng công xong, thì ông P có thanh toán cho bà B nhiều lần được số tiền là 11.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng đến nay không thanh toán.

Nay bà B yêu cầu ông P thanh toán số tiền nợ ruộng công là 9.000.000 đồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2018, bị đơn là ông Trần Hoàng P trình bày:**

Thừa nhận vào năm 2016, ông P có thuê bà B dùng ruộng công ruộng công, giá thuê là 20.000.000 đồng. Sau khi ruộng công xong, thì ông P có thanh toán cho bà B nhiều lần được số tiền là 11.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.000.000 đồng.

Trước yêu cầu của bà B, thì ông P đồng ý thanh toán cho bà B số tiền thuê cuộc đất là 9.000.000 đồng. Đồng thời, ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà B vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày trên;

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các điều 513, 515 và 519 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử vắng mặt ông P, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà B, buộc ông P thanh toán cho bà B số tiền thuê cuộc đất còn nợ là 9.000.000 đồng. Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông P.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Ông P thừa nhận có hợp đồng thuê xáng cuộc đất với bà B vào năm 2016, giá hợp đồng là 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P thanh toán cho bà B nhiều lần được số tiền là 11.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.000.000 đồng. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc đồng ý thanh toán cho bà B số tiền thuê xáng cuộc đất còn nợ là 9.000.000 đồng. Trường hợp chậm thanh toán khoản tiền này, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với khoản tiền phải thanh toán cho bà B.

[5] Tại phiên tòa: Bà B có mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án; ông P vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 515 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng P;
2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc đồng ý thanh toán cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền thuê xáng cuộc đất còn thiếu là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng);
3. Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông P không chịu thanh toán cho bà B khoản tiền nói trên, thì hàng tháng, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;
4. Ông P phải chịu 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%;
5. Trả lại cho bà B khoản tiền nộp tạm ứng án phí 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005411 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 16/4/2018;
6. Bà B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ;
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế